

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ 4 NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Tổng số thu được để lại	6.964,00	
I	Thu hoạt động thường xuyên	3.578,00	
	- Thu tiền: Bến bãi; Thu tiền các PT vận tải, hàng rong, MB và khác; Thu tiền cho thuê nhà kho; Thu tiền Khu DV công nhân CCN Trung An (Kiot); Thu tiền cây nước, xe đậu, bến bãi; Thu tiền QLĐH CCN.	3.578,00	
II	Thu hoạt động xử lý nước thải KCN Mỹ Tho	3.386,00	
III	Các khoản nộp vào Ngân sách Nhà nước	1.671,00	
	- Nộp tiền, khấu hao HT, bến bãi; Nộp tiền thuê đất KCN, CCN, GTGT	1.671,00	
IV	Chi HĐ thường xuyên và HĐ xử lý nước thải KCN	3.531,00	
1	Chi cho người lao động	1.287,03	
	- Tiền lương, phụ cấp lương	444,00	
	- Tiền công	364,00	
	- Mục 6100: Phụ cấp lương	167,00	
	- Mục 6250: Phúc lợi tập thể	3,55	
	- Các khoản đóng góp	187,18	
	- Mục 6400: Các khoản TT khác (Tiền ăn)	121,30	
2	Chi quản lý hành chính	844,12	
	- Thanh toán DV công cộng	387,20	
	+ Thanh toán tiền điện	364,00	
	+ Thanh toán tiền nước	4,50	
	+ Thanh toán tiền nhiên liệu	18,70	
	- Văn phòng phẩm	50,70	
	+ Văn phòng phẩm	16,00	
	+ Công cụ dụng cụ (gồm PB CCDC dưới 10 triệu)	19,40	
	+ Vật tư văn phòng khác	15,30	
	- Thông tin liên lạc	49,12	
	+ Cước điện thoại trong nước	0,67	
	+ Khoán điện thoại	25,90	
	+ Cước bưu chính	0,90	
	+ Dịch vụ internet	20,47	
	+ Chi tiền đăng báo tuyển dụng	1,18	
	- Mục 6650: Chi hội nghị		
	- Mục 6700: Công tác phí	93,70	
	+ Mục 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	27,70	
	+ Mục 6702: Phụ cấp công tác phí	0,60	
	+ Mục 6703: Thuê phòng nghỉ	17,40	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	+ Mục 6704: Khoán công tác phí	48,00	
	- SC thường xuyên văn phòng Cty, SC nhỏ máy móc thiết bị NMXLNT	263,40	
	+ Các thiết bị công nghệ thông tin	4,90	
	+ Tài sản và thiết bị văn phòng	14,10	
	+ Đường điện, cấp thoát nước	82,20	
	+ Nhà cửa	7,70	
	+ Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay	78,50	
	+ Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	76,00	
3	Chi hoạt động nghiệp vụ	259,85	
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	11,58	
	+ Chi mua hàng hoá vật tư	2,00	
	+ Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	9,58	
	+ Chi phí chuyên môn khác	248,27	
	<i>Chi tiền hoá chất, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền thu gom vận chuyển rác thải, chi chuyên môn khác...</i>	248,27	
4	Chi khác	103,40	
	- Chi khác	103,40	
	+ Phí và lệ phí	7,30	
	+ Chi tiếp khách	96,10	
5	Chi tạm nộp thuế TNDN	715,60	
6	Chi trích khấu hao TSCĐ	321,00	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	904,55	
1	Nguồn ngân sách trong nước	904,55	
	- Chi hoạt động kinh tế	904,55	
	+ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	+ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	904,55	
	+ Đồng phục bảo hộ lao động	2,10	
	+ Tiền điện chiếu sáng KCN Mỹ Tho	17,50	
	+ Tiền xăng phục vụ dọn vệ sinh, tuần tra KCN Mỹ Tho	6,27	
	+ Tiền nạo vét hố ga thoát nước mưa KCN Mỹ Tho	101,50	
	+ Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay	766,50	
	+ Phân tích mẫu nước thải quý 2 KCN Mỹ Tho	10,68	

Ngày 14 tháng 01 năm 2025

Lập biểu



Nguyễn Diễm Phúc

Kế toán trưởng



Võ Văn Dũng

Giám đốc




Nguyễn Trung Nghĩa

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý 4 năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	13.345	6.964	52,18%	133,54%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ	13.345	6.964	52,18%	133,54%
	Thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ (Cho thuê bến bãi, nhà kho, Kí ốt, xử lý nước thải, xe ra vào KCN, CCN, cửa hàng dịch vụ, dịch vụ cung cấp nước sạch)	13.345	6.964	52,18%	133,54%
II	Chi từ nguồn thu được để lại	11.978	3.531	29,56%	113,59%
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	0	0	0	
1.1	Chi sự nghiệp kinh tế khác	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ	11.945	3.531	29,56%	113,59%
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế khác	11.945	3.531	29,56%	113,59%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.945	3.531	29,56%	113,59%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	8.574	1.671	19,49%	45,67%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (đất, hạ tầng, thuế GTGT)	8.574	1.671	19,49%	45,67%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.319	904,55	68,58%	105,84%
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.319	904,55	68,58%	105,84%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024	Thực hiện quý 4 năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế	1.319	904,55	68,58%	105,84%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tiền Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Trung Nghĩa